

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A ("Công ty");
- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A ngày 20 tháng 06 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và kế hoạch hoạt động năm 2024

ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo hoạt động của của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2023 của HĐQT và của từng thành viên HĐQT, kế hoạch hoạt động năm 2024. Nội dung cụ thể được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

ĐHĐCĐ đã thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán. Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất (đồng)	Báo cáo tài chính công ty mẹ (đồng)
1.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	347.191.258.492	24.719.333.050
2.	Doanh thu hoạt động tài chính	311.708.940.299	387.043.784.737
3.	Chi phí tài chính	527.176.119.525	402.992.490.962
4.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	482.297.434.180	0

5.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	343.041.301.816	-11.152.904.911
6.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	343.462.791.523	4.112.354.056
7.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	335.767.697.360	4.112.354.056

Toàn văn nội dung báo cáo tài chính năm riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được kiểm toán đã được đăng tải trên website của Công ty www.ipa.com.vn.

Điều 3. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh với doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2024 như sau: (i) Tổng doanh thu là khoảng 1.080 tỷ đồng; (ii) Tổng lợi nhuận trước thuế là khoảng 425 tỷ đồng.

Điều 4. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2024

ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị: (i) lựa chọn một trong các công ty kiểm toán có tên trong danh sách tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán đối với các công ty đại chúng để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của Công ty; và (ii) đánh giá và đàm phán để quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Điều 5. Thông qua việc chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua về việc trả thù lao cho các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong năm 2023 và việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT trong năm 2024 như sau:

* Tổng số tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2023 là 480 triệu đồng, trong đó: Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 8 triệu đồng/người/tháng;

Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc và những người quản lý khác của Công ty trong năm 2023 là 1.080,8 triệu đồng. Chi tiết tiền lương, thù lao, thưởng của từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người quản lý khác được nêu tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 mục 40 (trang 38) và được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn www.ipa.com.vn.

* Tiền thù lao sẽ chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2024 (và trong thời gian đến khi họp ĐHĐCĐ thường niên năm tiếp theo) là như sau: Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 8 triệu đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho các thành viên HĐQT được Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng.

Điều 6. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023

ĐHĐCĐ thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2023	4.112.354.056
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối (lũy kế) đến 31/12/2023	28.422.031.976

3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	28.422.031.976

Điều 7. Thông qua việc chào bán cổ phiếu của Công ty

ĐHĐCĐ thông qua việc chào bán cổ phiếu của Công ty theo Tờ trình của HĐQT. Nội dung cụ thể về việc chào bán cổ phiếu của Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 8. Thông qua việc kéo dài thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động

ĐHĐCĐ thông qua việc kéo dài thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo phương án đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Điều 9. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Vũ Nam Hương

ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Vũ Nam Hương kể từ ngày 20/6/2024.

Điều 10. Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan

ĐHĐCĐ chấp thuận/thông qua việc Công ty giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan (trong đó gồm các công ty con, doanh nghiệp có liên quan, người có liên quan của Công ty theo quy định Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán về công ty con, người có liên quan), bao gồm:

- (i) Các giao dịch/hợp đồng giữa Công ty và các công ty con, doanh nghiệp có liên quan và người có liên quan của các Công ty nêu trên có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty (theo Báo cáo tài chính hợp nhất quý gần nhất);
- (ii) Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và công ty con, doanh nghiệp có liên quan liên quan đến việc vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng tài sản của Công ty (theo Báo cáo tài chính hợp nhất quý gần nhất);
- (iii) Các giao dịch sử dụng và/hoặc cho phép các công ty con/doanh nghiệp có liên quan sử dụng các tài sản thuộc sở hữu của Công ty để bảo đảm cho các nghĩa vụ có thể phát sinh trong hoạt động đầu tư kinh doanh của công ty, các công ty con/doanh nghiệp có liên quan.

Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định cụ thể các nội dung, triển khai ký kết và thực hiện đối với từng hợp đồng, giao dịch như nêu trên của Công ty theo nguyên tắc các Hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được giao kết/thực hiện trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty tương tự như việc giao kết/thực hiện hợp đồng giữa Công ty với các tổ chức cá nhân khác. Thời hạn giao và ủy quyền là kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

Điều 11. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Đại hội đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ Công ty theo Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty đã trình bày tại Đại hội. Nội dung cụ thể của Tờ trình được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều lệ mới (sau khi sửa đổi, bổ sung) được nêu tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Điều lệ mới (sau khi được sửa đổi, bổ sung) được ký bởi Chủ tịch HĐQT -Người đại diện theo pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế cho bản Điều lệ hiện hành.

19693
CÔNG TY
HÀNG
ĐẦU
P.A
NG - 1

Điều 12. Thông qua việc Công ty có hai người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

ĐHĐCĐ thông qua việc Công ty có 02 Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc theo Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty đã trình bày tại Đại hội (Nội dung cụ thể của Tờ trình được nêu tại Phụ lục đính kèm Nghị quyết này).

Điều 13. Bầu bổ sung thành viên HĐQT

ĐHĐCĐ đã bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027 như sau:

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Tổng số phiếu bầu
1	Nguyễn Vũ Long		167.668.588

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Các quyết định và nội dung nêu tại Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm triển khai thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT
[Signature]
VŨ HIỀN





**PHỤ LỤC: CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**



PHỤ LỤC I: CÁC TÀI LIỆU, BÁO CÁO, TỜ TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC ĐHĐCĐ THÔNG QUA

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A**

Thời gian họp: Từ 14h00, ngày 20 tháng 06 năm 2024

Địa điểm họp: Trụ sở chính của Công ty, Tòa nhà Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

STT	Nội dung	Thời gian
1	Đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ	14h00-14h20
2	Khai mạc ĐHĐCĐ	14h20-14h30
-	Báo cáo kết quả đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ	
-	Giới thiệu Chủ tọa/Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ	
-	Bầu Ban kiểm phiếu của ĐHĐCĐ	
-	Thông qua Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ	
-	Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ	
3	Trình ĐHĐCĐ báo cáo của HĐQT về quản trị, kết quả hoạt động năm 2023 của HĐQT và của từng thành viên HĐQT, kế hoạch hoạt động năm 2024.	14h30-14h50
4	Trình ĐHĐCĐ các nội dung về BCTC năm 2023 đã kiểm toán, kế hoạch kinh doanh năm 2024, lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2024, chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và tiền lương của Tổng giám đốc, phân phối lợi nhuận năm 2023, chào bán cổ phiếu của Công ty; miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan	14h50-15h20
5	Trình ĐHĐCĐ về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty	15h20-15h30
6	ĐHĐCĐ thảo luận	15h30-15h50
7	ĐHĐCĐ thực hiện biểu quyết	15h50-16h00
8	Kiểm phiếu biểu quyết, nghỉ giải lao	16h00-16h15
9	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết	16h15-16h20
10	Công bố Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ	16h20-16h25

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2024

QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ LP.A

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A, việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“ĐHĐCĐ”) của Công ty được tiến hành theo Quy chế này với những quy định cụ thể sau đây:

Điều 1. Dự họp ĐHĐCĐ

1. Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.
2. Hình thức dự họp:
Cổ đông tham dự họp theo một trong các hình thức sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (mẫu giấy ủy quyền tải về từ địa chỉ http://www.ipa.com.vn/tbh_dh_vn.htm).
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - Tham dự và biểu quyết trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.
3. Cổ đông hoặc người được Cổ đông ủy quyền (sau đây gọi chung là Cổ đông) có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.
4. Khi tham dự họp ĐHĐCĐ, Cổ đông sẽ có số phiếu biểu quyết, phiếu bầu tương ứng với số cổ phần mà Cổ đông sở hữu.
5. Cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền tham gia và quyền biểu quyết ngay sau khi được xác nhận tham dự họp. Trường hợp này Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp ĐHĐCĐ để cho Cổ đông đăng ký và hiệu lực của các nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi và không bị ảnh hưởng.
6. Cổ đông phải nghiêm túc chấp hành quy chế và nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ và sự điều hành của Chủ tọa ĐHĐCĐ.

Điều 2. Ban tổ chức ĐHĐCĐ

1. Ban tổ chức ĐHĐCĐ do HĐQT Công ty chỉ định. Ban tổ chức ĐHĐCĐ có trách nhiệm thực hiện các công việc cần thiết cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ.
2. Ban tổ chức ĐHĐCĐ có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp và báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả đăng ký các cổ đông dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp người đến dự họp không đủ tư cách tham dự họp ĐHĐCĐ thì Ban tổ chức có quyền từ chối việc đăng ký dự họp của cổ đông đó.

Điều 3. Chủ tọa, Thư ký ĐHĐCĐ

1. Chủ tọa ĐHĐCĐ là Chủ tịch HĐQT. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông dự họp.
2. Thư ký ĐHĐCĐ do Chủ tọa đề cử. Thư ký ĐHĐCĐ thực hiện các công việc hỗ trợ Chủ tọa trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ và lập Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 4. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ bầu/biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.
2. Ban kiểm phiếu có quyền và nhiệm vụ: (i) hướng dẫn và giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, (ii) tổ chức thực hiện kiểm phiếu theo quy định, (iii) lập Biên bản kiểm phiếu.
3. Mọi công việc kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành một cách trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 5. Thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của ĐHĐCĐ.
3. Việc thảo luận sẽ được thực hiện sau khi các báo cáo, tờ trình đã được trình bày tại ĐHĐCĐ.
4. Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong ĐHĐCĐ được thực hiện theo Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 6. Biểu quyết

1. ĐHĐCĐ biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp ĐHĐCĐ.
Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua việc biểu quyết/bỏ phiếu điện tử.
2. Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến biểu quyết.
3. Biểu quyết:
 - Cổ đông sẽ thực hiện việc biểu quyết các vấn đề của cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu biểu quyết bằng gửi phiếu biểu quyết trực tiếp, gửi phiếu biểu quyết từ xa hoặc bỏ phiếu điện tử.
 - Cổ đông dự họp trực tuyến có thể biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử ngay sau khi đăng nhập thành công vào hệ thống biểu quyết của Công ty.
Tài khoản đăng nhập để thực hiện bỏ phiếu điện tử được Ban Tổ chức ĐHĐCĐ thông báo cho cổ đông sau khi cổ đông đăng ký họp ĐHĐCĐ.
 - Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu biểu quyết. Mọi kết quả bỏ phiếu biểu quyết dưới Tài khoản đăng nhập của cổ đông sẽ được mặc nhiên ghi nhận là ý chí biểu quyết của cổ đông.
 - Trong trường hợp cổ đông đã đăng nhập vào hệ thống để dự họp trực tuyến và/hoặc biểu quyết điện tử nhưng chưa hoàn tất việc bỏ phiếu vì bất kỳ lý do nào, thì kết quả biểu quyết vẫn ghi nhận đối với các vấn đề mà Cổ đông đã bỏ phiếu. Các vấn đề chưa bỏ phiếu sẽ ghi nhận là Cổ đông tán thành với vấn đề đó. Cổ đông có thể liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ bỏ phiếu bổ sung.
 - Thời gian bắt đầu và kết thúc việc biểu quyết được thực hiện theo sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Phiếu biểu quyết
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ mới có giá trị để tính tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
 - Phiếu biểu quyết hợp lệ là (i) Phiếu theo mẫu do Ban tổ chức ĐHĐCĐ gửi/phát cho các cổ đông có đầy đủ nội dung quy định; và (ii) Được cổ đông điền thông tin biểu quyết theo đúng quy định; (iii) Được cổ đông bỏ phiếu đúng nơi và đúng thời gian quy định.
 - Đối với việc biểu quyết điện tử: Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu trên hệ thống biểu quyết điện tử của Công ty.
 - Các Phiếu biểu quyết được gửi đến Ban Tổ chức ĐHĐCĐ sau khi kết thúc thời gian biểu quyết đều được coi là Phiếu biểu quyết không hợp lệ.
5. Ban kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ và phiếu biểu quyết điện tử

để tiến hành kiểm phiếu, thống kê kết quả biểu quyết và lập Biên bản kiểm phiếu.

6. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp sau đây:
 - Các nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông dự họp biểu quyết tán thành: việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty.
 - Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định nêu tại Khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

Điều 7. Bầu thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 thành viên. ĐHĐCĐ sẽ thực hiện bầu/thay đổi một (01) thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027.
2. Quyền đề cử, ứng cử làm thành viên HĐQT và tiêu chuẩn ứng viên để bầu làm thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên làm thành viên HĐQT gồm: văn bản ứng cử hoặc đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT; bản thông tin cá nhân/sơ yếu lý lịch do ứng viên khai theo mẫu quy định; bản sao Giấy CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực; Các tài liệu chứng minh ứng viên đáp ứng đủ các điều kiện làm thành viên HĐQT; và Văn bản lập nhóm cổ đông (nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử). Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên bầu làm thành viên HĐQT phải được gửi đến Ban tổ chức ĐHĐCĐ trước ngày họp ĐHĐCĐ ít nhất 01 ngày. Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi đến sau thời hạn nêu trên đều được coi là không hợp lệ.
3. Việc biểu quyết bầu một thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên HĐQT được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Số phiếu bầu cho mỗi ứng viên không bắt buộc phải bằng nhau. Cổ đông có thể chỉ sử dụng một phần trong tổng số phiếu bầu của mình, số phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho ứng viên nào. Tổng số phiếu bầu cho ứng viên của một cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó.
Người trúng cử/được bầu làm thành viên HĐQT được xác định theo tổng số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp. Trường hợp có nhiều hơn số lượng ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao như nhau cho thành viên HĐQT thì sẽ tiến hành bầu trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.

Điều 8. Phát biểu tại ĐHĐCĐ

1. Việc phát biểu tại ĐHĐCĐ phải thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - Cổ đông chỉ được tham gia phát biểu trong phần thảo luận của ĐHĐCĐ và/hoặc sau khi được Chủ tọa chấp thuận.
 - Chủ tọa có quyền từ chối hoặc cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.
 - Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và được giải đáp tuần tự sau.
2. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - Ngắn gọn và rõ ràng.
 - Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước đó.
 - Không đề xuất các vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, mang tính cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của ĐHĐCĐ.

Điều 9. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Các nội dung chủ yếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được Thư ký ĐHĐCĐ tổng hợp vào biên bản của ĐHĐCĐ. Biên bản ĐHĐCĐ và các nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua phải được công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A sau khi được ĐHĐCĐ phê chuẩn thông qua thì sẽ có giá trị áp dụng đối với tất cả các hoạt động liên quan đến việc tổ chức họp ĐHĐCĐ năm 2024.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐHĐCĐ
CHỦ TỊCH HĐQT

VŨ HIỆN



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính thưa: Quý Cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị (HDQT) theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, HDQT Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (“Công ty”) xin báo cáo về hoạt động quản trị, kết quả hoạt động năm 2023 của HDQT và từng thành viên HDQT, chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty và kế hoạch năm 2024 như sau:

1. Báo cáo chung về hoạt động quản trị trong năm 2023

HDQT Công ty đã duy trì hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty với số thành viên trong năm 2023 là 05 người, và duy trì số lượng thành viên HDQT độc lập đảm bảo tuân thủ quy định của Điều lệ và quy định Luật Doanh nghiệp.

Trong năm 2023, HDQT đã tổ chức 07 cuộc họp, bao gồm các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất. Ngoài ra, khi có vấn đề phát sinh, để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, HDQT có lấy ý kiến thông qua các Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HDQT đều tham gia biểu quyết. Các Nghị quyết HDQT đã ban hành được thống kê chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023.

Trong hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty, HDQT đã quyết định, phê duyệt các kế hoạch hoạt động kinh doanh, quyết định các chiến lược kinh doanh mới, phương án đầu tư, giải pháp phát triển, phê duyệt kế hoạch triển khai các dự án đang đầu tư của Công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

HDQT đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn rà soát quy định pháp luật, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế, quy trình nội bộ để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả quản trị của Công ty.

Ngoài ra, công nghệ thông tin được tăng cường ứng dụng vào trong hoạt động quản trị, việc quản lý, kiểm soát chất lượng và hiệu quả công việc của nhân sự thông qua các nền tảng công nghệ được áp dụng thống nhất trên toàn hệ thống.

2. Hoạt động giám sát của HDQT trong năm 2023

Trong năm 2023, HDQT đã thực hiện các công việc theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của HDQT, Quy chế nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 vào ngày 28/06/2023.
- Tổ chức, chỉ đạo thực hiện việc lập Báo cáo tài chính năm, Báo cáo quản trị, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính quý của Công ty theo đúng quy định.

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành, thường xuyên kiểm tra các hoạt động trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành.
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện báo cáo, công bố thông tin đảm bảo đầy đủ, kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật.
- Các thành viên HĐQT, đặc biệt là Chủ tịch HĐQT cũng dành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận với Ban Tổng giám đốc để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở thực hiện đúng Điều lệ, Quy chế và các quy định pháp luật có liên quan.
- Giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đầu tư và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Ban Điều hành cũng đã thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời về tình hình kinh doanh, đầu tư và dự kiến kế hoạch kinh doanh tại các cuộc họp HĐQT.

HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành tại Công ty, đảm bảo tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, quy định/quy chế nội bộ, Điều lệ của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật, đem lại hiệu quả kinh doanh tốt trong năm 2023.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT

Thù lao của từng thành viên HĐQT năm 2023 được trình bày cụ thể tại Tờ trình tổng hợp của HĐQT về thù lao cho HĐQT.

4. Giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan

- Công ty đã nghiêm túc thực hiện việc phê duyệt giao dịch với các bên liên quan, đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
- Các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan do HĐQT phê duyệt được liệt kê tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2023.

5. Hoạt động của các thành viên HĐQT

5.1. Hoạt động chung của các thành viên HĐQT

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, cho ý kiến/biểu quyết đối với các vấn đề được xin ý kiến.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, tuân thủ theo quy định tại Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

Trong đó:

- (i) Chủ tịch HĐQT đã thực hiện tốt các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định pháp luật, quy định nội bộ của Công ty và các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ, tổ chức thành công các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các nghị quyết của HĐQT đạt hiệu quả;
- (ii) Các thành viên HĐQT không điều hành có đóng góp tích cực trong công tác tham mưu, đưa ra ý kiến cho Ban Điều hành trong việc quản trị, điều hành các hoạt động kinh doanh, đầu tư, quản trị tổ chức của Công ty;
- (iii) Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia đưa ý kiến và có đóng góp quan trọng trong việc tham mưu, thẩm định, ban hành các quy định, chính sách của Công ty cũng như tham gia vào các Hội đồng/Ủy ban theo phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT. Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện công tác giám sát, đánh giá đối với các hoạt động của HĐQT căn cứ trên Điều lệ, quy định quản trị nội bộ của Công ty, quy định pháp luật và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Trong hoạt động đầu tư của Công ty, các thành viên HĐQT, đặc biệt là Chủ tịch HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, định hướng để triển khai thực hiện các dự án đầu tư của Công ty.

5.2. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

HĐQT đã hoàn thành tốt việc quản lý, chỉ đạo, thiết lập cơ cấu tổ chức, đưa ra những quyết sách linh hoạt, kịp thời giúp giải quyết được những vấn đề phát sinh trước biến động của thị trường tài chính, bất động sản và đặc biệt là sự thay đổi của chính sách pháp luật.

Những quyết sách, chỉ đạo kịp thời của HĐQT đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, quản trị, kiểm soát rủi ro trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, quản lý nhân sự của Công ty.

5.3. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban kiểm toán

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán: Thù lao của từng thành viên HĐQT năm 2023 được trình bày cụ thể tại Tờ trình tổng hợp của HĐQT về thù lao cho HĐQT.
- Các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán: Trong năm 2023 Ủy ban kiểm toán đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Qua hoạt động kiểm toán thì Ủy ban kiểm toán đánh giá rằng các hoạt động quản trị, điều hành của Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty, thực hiện theo đúng chủ trương phê duyệt của ĐHĐCĐ.
- Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty: Ủy ban kiểm toán đánh giá Công ty đã tổ chức hạch toán kế toán, mở sổ kế toán, công bố thông tin báo cáo tài chính theo đúng các quy định. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Báo cáo đánh giá về giao dịch của công ty với người có liên quan: Việc phê duyệt, thực hiện các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đã được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và được công bố thông tin tại Báo cáo quản trị/Báo cáo tài chính của Công ty.
- Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty: Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty đã được thiết lập và vận hành phù hợp với các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế các hoạt động của Công ty.
- Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty: Ủy ban kiểm toán đánh giá hoạt động của HĐQT, ban Tổng Giám đốc về cơ bản đã tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai đồng bộ các phương án kinh doanh, quản lý nội bộ về cơ chế, thị trường, nhân sự, công nghệ thông tin, quản trị rủi ro... để thực hiện các chủ trương/kế hoạch theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông: Căn cứ theo các quy định tại luật doanh nghiệp, điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và Ủy ban kiểm toán đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, cùng nhau phối hợp trong việc hoạch định, quản trị, điều hành, kiểm soát Công ty, giúp mang lại hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành Công ty. Đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc, tại các cuộc họp HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán tham gia có ý kiến với những vấn đề được trình bày, đề xuất các nội dung khác để đưa ra những quyết định đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

6. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Năm 2023 thị trường kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ diễn biến phức tạp của nền kinh tế, chính trị thế giới. Tiếp tục chịu ảnh hưởng của dư chấn từ đại dịch Covid 19, kèm theo bối cảnh xung đột chính trị căng thẳng và lạm phát dâng cao, giá cả leo thang, áp lực nợ công tăng, chính sách tiền tệ các nước thắt chặt, nửa đầu năm 2023 kinh tế trong nước sụt giảm mạnh, các ngành nghề đều gặp khó khăn. Mặc dù vậy nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nhờ đó kinh tế nửa cuối năm đã dần phục hồi và có xu hướng mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước. Năm 2023, Công ty đã đạt được những kết quả kinh doanh có thể đánh giá là rất tích cực: Tổng doanh thu hợp nhất ghi nhận 1.146 tỷ đồng, giảm 2% so với năm trước; lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt mức 336 tỷ đồng, tăng trưởng 152% so với cùng kỳ.

So với kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua, tổng doanh thu hợp nhất đạt 115% và lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 99%, lợi nhuận trước thuế có mức tăng trưởng 332% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận năm nay tăng trưởng cao so với năm trước nhờ đóng góp lớn của các mảng kinh doanh tài chính, năng lượng, cung cấp giải pháp doanh nghiệp và F&B. Hoạt động cung cấp giải pháp doanh nghiệp được phát triển mạnh và mang lại kết quả kinh doanh tốt, đặc biệt là hoạt động cung cấp giải pháp phần mềm doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh ngành F&B cũng duy trì ổn định thị phần, đầu tư vào sản xuất và phân phối thêm nhiều nhóm sản phẩm hướng tới bảo vệ môi trường và nếp sống thuận tự nhiên của người Việt. Bên cạnh việc phát triển các hoạt động kinh doanh, việc cân đối và cắt giảm chi phí cũng góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng lợi nhuận.

Trong năm 2023, ngoài việc duy trì thị phần và tiếp tục kinh doanh các sản phẩm hiện có, Công ty còn đầu tư thêm vào mảng hoạt động quản lý quỹ, mảng kinh doanh năng lượng thông qua việc nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A và nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà. Đối với các kế hoạch nhận chuyển nhượng vốn góp đã được HĐQT thông qua nhưng chưa thực hiện, chưa thực hiện xong trong năm 2023, trong điều kiện thích hợp HĐQT sẽ lên kế hoạch, thông qua phương án triển khai trong thời gian tới và trình ĐHĐCĐ (nếu cần).

Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty được trình bày tại Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty.

7. Báo cáo về việc chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty

Ngày 03/06/2024, HĐQT Công ty đã phê duyệt Phương án phát hành 3.170 trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm; mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND với kỳ hạn 05 năm kể từ ngày phát hành (chi tiết phương án phát hành đã được công bố trên website của Công ty).

Ngày 05/06/2024, Công ty đã thực hiện phát hành thành công toàn bộ số lượng 3.170 trái phiếu. Tài liệu và hồ sơ liên quan đến đợt chào bán Trái phiếu gồm: Nghị quyết HĐQT phê duyệt Phương

án phát hành trái phiếu; Tài liệu công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu; Hợp đồng dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp; Hợp đồng dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu; Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu; Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý, lưu ký chứng khoán; Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán; Giấy chứng nhận đánh giá xếp hạng tín nhiệm. Việc chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty đã được phê duyệt, ký kết, triển khai thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan. Các tài liệu và hồ sơ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu được đăng tải trên website của Công ty và báo cáo đến cơ quan nhà nước theo quy định về báo cáo và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Định hướng hoạt động năm 2024

8.1. Định hướng về mục tiêu quản trị tổ chức

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản trị điều hành của Công ty để nâng cao năng lực tổ chức và năng lực định hướng và quản trị chiến lược.
- Kiện toàn các quy trình quản trị kinh doanh – đầu tư, quy trình quản trị rủi ro, quy trình quản trị sản phẩm, quy trình quản trị nguồn nhân lực và quy trình vận hành hướng tới các chuỗi giá trị của tổ chức và công tác kiểm soát đạt hiệu quả;
- Triển khai các kế hoạch huy động vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua để bổ sung năng lực nguồn vốn của Công ty;
- Tiếp tục đầu tư nền tảng công nghệ và số hóa để kiện toàn hạ tầng dữ liệu, ứng dụng khai thác và bán hàng, hệ thống công nghệ thông tin cho phép cung cấp dữ liệu kinh doanh và dữ liệu phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển, quản trị rủi ro và quản lý hiệu suất lao động.

8.2. Định hướng hoạt động kinh doanh, đầu tư

Dựa trên nền móng vững chắc và những tiềm năng đã tích lũy trong một phần tư thế kỷ, Công ty định hướng trở thành một hệ sinh thái hàng đầu Việt Nam với tôn chỉ hoạt động vì đại đồng tiến bộ. Trong năm 2024, IPA sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái để hiện thực hóa các mục tiêu dài hạn dựa trên các trụ cột chính như sau:

- IPAM Life: Các công ty hướng tới bảo vệ môi trường và nếp sống an lành Thuận Việt.
- IPA SMEs: bao gồm các công ty chuyên cung cấp dịch vụ bao gồm giải pháp công nghệ thông tin, hạ tầng sản xuất và tư vấn quản lý cho các doanh nghiệp SMEs.
- IPA Financial: các công ty con, công ty liên kết trong lĩnh vực dịch vụ tài chính: chứng khoán, quản lý quỹ và quản lý tài sản.
- IPA Green Investment – Đầu tư hạ tầng và năng lượng tái tạo
- IPA Private Equity: danh mục các công ty có vốn góp của IPA trải dài trên nhiều lĩnh vực như Các công ty khởi nghiệp, F&B, Dịch vụ du lịch, Dịch vụ Hạ tầng, Fintech, Dược phẩm - Y tế... và các lĩnh vực khác. Thông qua hoạt động đầu tư vào các công ty được lựa chọn, IPA đã, đang và sẽ tiếp tục góp sức dựng xây các doanh nghiệp thông qua việc cung cấp nguồn lực tài chính và kinh nghiệm quản trị.
- Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và công nghệ xanh sẽ tiếp tục công tác hoàn thiện thủ tục, đảm bảo thượng tôn pháp luật, đẩy nhanh thời gian triển khai dự án mới và tiếp tục giữ ổn định với các dự án đã đi vào hoạt động.
- Trong lĩnh vực đầu tư vốn vào các công ty tư nhân, công ty tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư, ưu tiên vào các lĩnh vực mà IPA có kinh nghiệm quản lý và hoạt động để Công ty không chỉ là một nhà đầu tư tài chính mà còn là một cổ đông chiến lược có thể đồng hành và hỗ trợ, tư vấn tốt nhất với các công ty được đầu tư.

Thay mặt HĐQT, tôi xin kính chúc các Quý cổ đông dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.
Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.



Số: **642**/2024/TTr-IPA

Hà Nội, ngày **20** tháng 6 năm 2024

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2023; kế hoạch kinh doanh năm 2024; lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024; chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc; phân phối lợi nhuận năm 2023; chào bán cổ phiếu của Công ty; Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty; Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan.

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (“Công ty”) xin báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung về báo cáo tài chính năm 2023, kế hoạch kinh doanh năm 2024, lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024, chi trả thù lao cho HĐQT, tiền lương cho Ban Tổng Giám đốc, phân phối lợi nhuận năm 2023; chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Cụ thể như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất (đồng)	Báo cáo tài chính công ty mẹ (đồng)
1.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	347.191.258.492	24.719.333.050
2.	Doanh thu hoạt động tài chính	311.708.940.299	387.043.784.737
3.	Chi phí tài chính	527.176.119.525	402.992.490.962
4.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	482.297.434.180	0
5.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	343.041.301.816	-11.152.904.911
6.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	343.462.791.523	4.112.354.056
7.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	335.767.697.360	4.112.354.056

Toàn văn nội dung báo cáo tài chính năm riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được kiểm toán đã được đăng tải trên website của Công ty www.ipa.com.vn.

HĐQT kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024

Căn cứ theo đánh giá về tình hình hoạt động đầu tư, kinh doanh năm 2023, HĐQT Công ty đặt ra kế hoạch kinh doanh với doanh thu và lợi nhuận hợp nhất năm 2024 như sau: (i) Tổng doanh thu là khoảng 1.080 tỷ đồng; (ii) Tổng lợi nhuận trước thuế là khoảng 425 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận nêu trên được HĐQT Công ty đưa ra một cách thận trọng trên cơ sở ước tính các khoản doanh thu và lợi nhuận dự kiến thu được từ các hoạt động đầu tư kinh doanh hiện hữu và chưa tính đến trường hợp phát sinh các khoản doanh thu/lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng vốn/tài sản (nếu có) của Công ty. HĐQT sẽ tiếp tục phát huy mọi nguồn lực với sự đồng lòng của tất cả cán bộ nhân viên trong Công ty để thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh nêu trên.

3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét BCTC năm 2024

HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT: (i) lựa chọn một trong các công ty kiểm toán có tên trong danh sách tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán đối với các công ty đại chúng để thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của Công ty; và (ii) đánh giá và đàm phán để quyết định lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán trong danh sách nêu trên để ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

4. Chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và tiền lương của Tổng Giám đốc

HĐQT xin được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về việc trả thù lao cho các thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong năm 2023 và trình xin ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT trong năm 2024 như sau:

* Tổng số tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2023 là 480 triệu đồng, trong đó: Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 8 triệu đồng/người/tháng;

Tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc và những người quản lý khác của Công ty trong năm 2023 là 1.080,8 triệu đồng. Chi tiết tiền lương, thù lao, thưởng của từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và những người quản lý khác được nêu tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023 mục 40 (trang 38) và được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn www.ipa.com.vn.

* Tiền thù lao sẽ chi trả cho các thành viên HĐQT trong năm 2024 (và trong thời gian đến khi họp ĐHĐCĐ thường niên năm tiếp theo) là như sau: Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 8 triệu đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho các thành viên HĐQT được Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng.

5. Phân phối lợi nhuận năm 2023

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ) như sau:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2023	4.112.354.056
2	Tổng lợi nhuận chưa phân phối (lũy kế) đến 31/12/2023	28.422.031.976
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	28.422.031.976

6. Chào bán cổ phiếu của Công ty

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Đại hội đồng cổ đông Công ty (“ĐHĐCĐ”) đã thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng nhưng sau đó Công ty vẫn chưa được thực hiện hoàn thành. Bởi vậy, tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc chào cổ phiếu của Công ty ra công chúng với các nội dung nêu tại Phụ lục kèm theo.

Ngoài ra, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty đã thông qua việc chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Tuy nhiên, Công ty chưa triển khai thực hiện được phương án chào bán cổ phiếu như nêu trên theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Do đó, HĐQT cũng kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với nội dung như đã được Thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 trong đó điều chỉnh thời gian thực hiện đến hết năm 2025.

7. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty

Hiện nay một thành viên HĐQT của Công ty là Bà Vũ Nam Hương vì lý do cá nhân nên đã có đơn xin từ nhiệm gửi đến Công ty. Bởi vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Vũ Nam Hương và bầu bổ sung một thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2022-2027) để thay thế thành viên đã từ nhiệm.

Các cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty có quyền ứng cử/đề cử người để ĐHĐCĐ bầu bổ sung làm thành viên HĐQT. Ứng viên ứng cử/được đề cử để bầu bổ sung làm thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và bằng cách bỏ phiếu kín như được quy định tại Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty.

Thông tin về người ứng cử/được đề cử đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ mà Công ty đã nhận được đề cử/ứng cử tính đến ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ Công ty được giới thiệu trong tài liệu họp ĐHĐCĐ để các cổ đông xem xét bỏ phiếu bầu bổ sung vào HĐQT.

8. Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan

Trong quá trình hoạt động, để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả cũng như để tối ưu các nguồn lực trong việc tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty thì trong quá trình hoạt động dự kiến sẽ phát sinh những hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan. Để đảm bảo việc tuân thủ pháp luật trong giao dịch giữa Công ty với các tổ chức/cá nhân có liên quan, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua/chấp thuận việc Công ty giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan (trong đó gồm các công ty con, doanh nghiệp có liên quan, người có liên quan của Công ty theo quy định Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán về công ty con, người có liên quan), bao gồm:

- (i) Các giao dịch/hợp đồng giữa Công ty và các công ty con, doanh nghiệp có liên quan và người có liên quan của các Công ty nêu trên có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty (theo Báo cáo tài chính hợp nhất quý gần nhất);
- (ii) Các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và công ty con, doanh nghiệp có liên quan liên quan đến việc vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng tài sản của Công ty (theo Báo cáo tài chính hợp nhất quý gần nhất);

(iii) Các giao dịch sử dụng và/hoặc cho phép các công ty con/doanh nghiệp có liên quan sử dụng các tài sản thuộc sở hữu của Công ty để bảo đảm cho các nghĩa vụ có thể phát sinh trong hoạt động đầu tư kinh doanh của công ty, các công ty con/doanh nghiệp có liên quan.

Giá trị hợp đồng, giao dịch: trong phạm vi giá trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định cụ thể các nội dung, triển khai ký kết và thực hiện đối với từng hợp đồng, giao dịch như nêu trên của Công ty theo nguyên tắc các Hợp đồng/giao dịch giữa Công ty với người có liên quan được giao kết/thực hiện trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty tương tự như việc giao kết/thực hiện hợp đồng giữa Công ty với các tổ chức cá nhân khác. Thời hạn giao và ủy quyền là kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

Trên đây là các nội dung HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT





PHỤ LỤC: CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

I. Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu ra công chúng

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
2. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
3. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
5. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 213.835.775 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: : 213.835.775 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 213.835.775 cổ phiếu.
9. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm dự kiến theo mệnh giá : 2.138.357.750.000 đồng.
10. Tỷ lệ phát hành : 100% (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành).
11. Giá chào bán : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
12. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định dựa trên nguyên tắc và căn cứ theo: (i) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã kiểm toán của Công ty; (ii) giá trị thị trường của cổ phiếu IPA; (iii) mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi chào bán; và (iv) mức giá để đảm bảo lợi ích của cổ đông hiện hữu trong việc thực hiện quyền mua .
13. Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập.
14. Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
15. Tỷ lệ thực hiện quyền : 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm).
16. Thời gian thực hiện : Trong các năm 2024 và/hoặc năm 2025, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
17. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực

hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu, sẽ được hưởng 100 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B. Nhà đầu tư B không được chuyển nhượng lại quyền mua cho người thứ ba.

18. Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ : Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên sẽ không có phần lẻ cổ phần/cổ phiếu lẻ.
19. Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua : Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chào bán số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cho nhà đầu tư/cổ đông khác trên nguyên tắc (i) giá chào bán cho nhà đầu tư khác không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, (ii) các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư mua số cổ phiếu này không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, (iii) hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp Hội đồng quản trị không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không chào bán hết sẽ được hủy bỏ và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
20. Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Công ty thực hiện thông báo tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và công bố thông tin theo quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty. Đồng thời số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua sẽ không được phân phối lại cho các nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức) nước ngoài để duy trì mức tỷ lệ sở hữu trong mức quy định. Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể các vấn đề liên quan đến đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
21. Chào mua công khai : Trường hợp cổ đông/nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua, nhận mua thêm cổ phiếu còn dư và các trường hợp khác (nếu có) dẫn đến phải chào mua công khai thì cổ đông/nhà đầu tư phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và tại các văn bản pháp luật khác
22. Mục đích chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu nhằm mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng vào các mục đích phù hợp với phương án sử dụng vốn nêu tại Phần II.

23. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không quy định.
24. Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ phiếu không thành công như dự kiến : Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật.
25. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện việc phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.
26. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu từ chối mua/không mua hết khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (dự kiến tối đa là **2.138.357.750.000** đồng) sẽ được sử dụng cho các mục đích, các hoạt động đầu tư/kinh doanh của Công ty như sau (theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới):

- Đầu tư góp vốn, thanh toán tiền mua cổ phần/phần vốn góp tại các công ty con, công ty liên kết, các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, công nghệ tài chính, năng lượng để kiện toàn chiến lược phát triển Tập đoàn IPA thành một định chế đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, công nghệ tài chính và năng lượng: Tổng nguồn vốn dự kiến là **1.800** tỷ đồng. Các doanh nghiệp mà Công ty dự kiến đầu tư góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp là các doanh nghiệp sau đây: Tổng Công ty CP Bảo Hiểm Bưu Điện, Công ty TNHH Một thành viên quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A, Công ty CP Giải pháp công nghệ IPA, Công ty CP Năng lượng Bắc Hà. Đối với việc đầu tư mua cổ phần của Tổng Công ty CP Bảo Hiểm Bưu Điện (để trực tiếp và/hoặc gián tiếp sở hữu từ 30% vốn điều lệ trở lên) thì Công ty sẽ thực hiện đầu tư trực tiếp mua/nhận chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần và/hoặc góp vốn vào công ty con để công ty con mua/nhận chuyển nhượng cổ phần tại doanh nghiệp này. Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về: các doanh nghiệp mà Công ty đầu tư góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp; số vốn góp/số lượng cổ phần mà Công ty đầu tư; giá trị đầu tư góp vốn, giá trị mua cổ phần/phần vốn góp tại các doanh nghiệp mục tiêu và tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp vào doanh nghiệp mục tiêu căn cứ theo điều kiện thực tế của Công ty và điều kiện thị trường khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Đầu tư vào các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính an toàn, có lãi suất cố định trên thị trường vốn/thị trường tiền tệ để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn IPA: Nguồn vốn dự kiến là **200 tỷ đồng**. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính (đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá, các loại trái phiếu, tài trợ vốn/cho vay công ty con/công ty liên kết và các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính có lãi suất cố định khác) và giá trị đầu tư vào các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Tái cơ cấu tài chính đối với các khoản vay/nợ, thanh toán các khoản vay/nợ và các khoản phải trả của Công ty (bao gồm thanh toán các khoản nợ vay, các khoản trả nợ lãi trái phiếu và trả nợ gốc trái phiếu/mua lại trái phiếu): Nguồn vốn dự kiến là **138.357.750.000 đồng**. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về các khoản vay/nợ cần thanh toán và giá trị các khoản thanh toán căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty tại khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Thời gian sử dụng vốn đối với các khoản tiền/nguồn vốn nêu trên dự kiến là từ sau khi Công ty hoàn thành việc chào bán cổ phiếu ra công chúng. Số tiền nhận rồi trong thời gian chờ giải ngân theo các phương án sử dụng vốn nêu trên sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, mua giấy tờ có giá để đảm bảo hiệu quả tài chính tối ưu.

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT (i) toàn quyền quyết định cụ thể phương án sử dụng vốn, quyết định cụ thể việc phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu vào các mục đích sử dụng vốn căn cứ theo tình hình hoạt động của Công ty và thị trường vốn/thị trường chứng khoán tại thời điểm triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng; (ii) quyết định thời điểm giải ngân, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán trong trường hợp thấy cần thiết và/hoặc căn cứ theo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT được toàn quyền quyết định việc sử dụng vốn một cách linh hoạt phù hợp với thực tế của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả và tối ưu cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

III. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán thêm

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm nêu trên sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

IV. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Cùng với việc ủy quyền cho HĐQT với các nội dung nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu như trên đây, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau đây:

- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;
- Quyết định cụ thể việc triển khai thực hiện chào bán cổ phiếu; Quyết định thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu huy động vốn và hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Quy định cụ thể về phương án sử dụng vốn và/hoặc quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn căn cứ theo điều kiện thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan quản lý tại thời

điểm thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu để đảm bảo thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện thành công;

- Quyết định và tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể; quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và chủ động điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn/số tiền thu được; quyết định thời điểm giải ngân/sử dụng số tiền thu được; quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán khi thấy cần thiết hoặc theo tình hình hoạt động của Công ty (HĐQT được toàn quyền quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán); phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu để sử dụng vào các mục đích phù hợp với thực tế của Công ty;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; và (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh của Công ty; và (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành/chào bán cổ phiếu, việc sử dụng vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu, đăng ký/lưu ký bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu.

C.P. 1/2

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và bổ sung người đại diện theo pháp luật của Công ty

Kính thưa: Quý cổ đông Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Công ty CP Tập đoàn đầu tư I.P.A hiện nay có một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhằm đảm bảo sự phân quyền và nâng cao trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo bộ máy quản lý, căn cứ theo nhu cầu thực tế trong công tác quản trị Công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty theo nội dung bổ sung Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty, đồng thời thông qua việc Công ty có hai người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc. Cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

1.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty quy định về Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Theo đó, bổ sung nội dung Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật vào Điều lệ Công ty. Nội dung cụ thể sau khi sửa đổi như sau:

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- Công ty có hai người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
- Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 29 của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện đầy đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba và không bị hạn chế trong bất kỳ giao dịch hoặc lĩnh vực nào.

Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 35 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc là đại diện của Công ty trước Bên thứ ba đối với các công việc, hoạt động, giao dịch của Công ty trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều 35 Điều lệ này.

- Cơ chế chuyển giao quyền và nghĩa vụ giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, từ nhiệm/từ chức, bị miễn nhiệm/bãi nhiệm, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự:
 - Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị rơi vào trường hợp nêu trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc rơi vào trường hợp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

1.2. Thông qua việc ban hành toàn văn Điều lệ Công ty đã tích hợp nội dung được sửa đổi nêu trên.



Nội dung toàn văn Điều lệ được đính kèm Tờ trình này.

1.3. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ động hoàn thiện, ký, ban hành toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty theo đúng quy định sau khi nội dung sửa đổi nêu trên đã được ĐHĐCĐ thông qua.

2. Thông qua việc Công ty có 02 Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc, cụ thể:

2.1. Thông tin của hai người đại diện theo pháp luật của Công ty:

a. Người đại diện pháp luật thứ nhất:

Họ và tên: Vũ Hiền Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh ngày: 15/10/1962 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số:

b. Người đại diện pháp luật thứ hai:

Họ và tên: Mai Hữu Đạt Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/04/1974 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CCCD số:

2.2. Giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện và chỉ đạo nhân sự thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty về Người đại diện theo pháp luật theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định, điều chỉnh, ký kết các văn bản/tài liệu để hoàn thiện thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật như nêu trên.

Trên đây là các nội dung HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

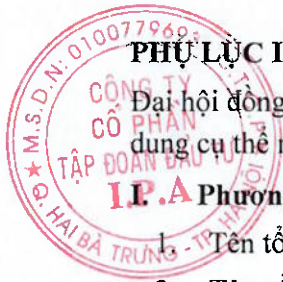
T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Hiền





PHỤ LỤC II: CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chào bán cổ phiếu của Công ty ra công chúng với các nội dung cụ thể như sau:

I.P.A Phương án chào bán/phát hành cổ phiếu ra công chúng

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
2. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
3. Loại cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
5. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 213.835.775 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: : 213.835.775 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu.
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 213.835.775 cổ phiếu.
9. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành thêm dự kiến theo mệnh giá : 2.138.357.750.000 đồng.
10. Tỷ lệ phát hành : 100% (là tỷ lệ giữa số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm/số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành).
11. Giá chào bán : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
12. Nguyên tắc và căn cứ xác định giá chào bán : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu được xác định dựa trên nguyên tắc và căn cứ theo: (i) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu theo báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã kiểm toán của Công ty; (ii) giá trị thị trường của cổ phiếu IPA; (iii) mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi chào bán; và (iv) mức giá để đảm bảo lợi ích của cổ đông hiện hữu trong việc thực hiện quyền mua .
13. Đối tượng chào bán : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập.
14. Phương thức chào bán : Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
15. Tỷ lệ thực hiện quyền : 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ có 01 quyền mua, 01 quyền mua được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm).
16. Thời gian thực hiện : Trong các năm 2024 và/hoặc năm 2025, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
17. Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của



mình cho người khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (*người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba*). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu, sẽ được hưởng 100 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B. Nhà đầu tư B không được chuyển nhượng lại quyền mua cho người thứ ba.

18. Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ : Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên sẽ không có phần lẻ cổ phần/cổ phiếu lẻ.

19. Xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua : Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định việc chào bán số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cho nhà đầu tư/cổ đông khác trên nguyên tắc (i) giá chào bán cho nhà đầu tư khác không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, (ii) các điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư mua số cổ phiếu này không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, (iii) hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không chào bán hết sẽ được hủy bỏ và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

20. Đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài : Công ty thực hiện thông báo tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và công bố thông tin theo quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty. Đồng thời số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua sẽ không được phân phối lại cho các nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức) nước ngoài để duy trì mức tỷ lệ sở hữu trong mức quy định. Giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định cụ thể các vấn đề liên quan đến đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

21. Chào mua công khai : Trường hợp cổ đông/nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền mua, nhận mua thêm cổ phiếu còn dư và các trường hợp khác (nếu có) dẫn đến phải chào mua công khai thì cổ

đồng/nhà đầu tư phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và tại các văn bản pháp luật khác

22. Mục đích chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu nhằm mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng vào các mục đích phù hợp với phương án sử dụng vốn nêu tại Phần II.
23. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không quy định.
24. Phương án xử lý trong trường hợp chào bán cổ phiếu không thành công như dự kiến : Trong trường hợp số cổ phiếu đăng ký chào bán không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT cân nhắc bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua hình thức huy động khác như vay các tổ chức tín dụng hoặc vay từ tổ chức/cá nhân khác phù hợp với quy định của pháp luật.
25. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành : Khi phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng cổ phiếu dự kiến sau phát hành, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu; (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Giao/ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện việc phát hành để đưa ra đánh giá cụ thể về mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành.
26. Hạn chế chuyển nhượng : Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
Số cổ phiếu còn lại mà cổ đông hiện hữu từ chối mua/không mua hết khi được chào bán cho các nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

Số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (dự kiến tối đa là 2.138.357.750.000 đồng) sẽ được sử dụng cho các mục đích, các hoạt động đầu tư/kinh doanh của Công ty như sau (theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới):

- Đầu tư góp vốn, thanh toán tiền mua cổ phần/phần vốn góp tại các công ty con, công ty liên kết, các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, công nghệ tài chính, năng lượng để kiện toàn chiến lược phát triển Tập đoàn IPA thành một định chế đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, công nghệ tài chính và năng lượng: Tổng nguồn vốn dự kiến là 1.800 tỷ đồng. Các doanh nghiệp mà Công ty dự kiến đầu tư góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp là các doanh nghiệp sau đây: Tổng Công ty CP Bảo Hiểm Bưu Điện, Công ty TNHH Một thành viên quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A, Công ty CP Giải pháp công nghệ IPA, Công ty CP Năng lượng Bắc Hà. Đối với việc đầu tư mua cổ phần của Tổng Công ty CP Bảo Hiểm Bưu Điện (để trực tiếp và/hoặc gián tiếp sở hữu từ 30% vốn điều lệ trở lên) thì Công ty sẽ thực hiện đầu tư trực tiếp mua/nhận chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần và/hoặc góp vốn vào

công ty con để công ty con mua/nhận chuyển nhượng cổ phần tại doanh nghiệp này. Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về: các doanh nghiệp mà Công ty đầu tư góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp; số vốn góp/số lượng cổ phần mà Công ty đầu tư; giá trị đầu tư góp vốn, giá trị mua cổ phần/phần vốn góp tại các doanh nghiệp mục tiêu và tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần/phần vốn góp vào doanh nghiệp mục tiêu căn cứ theo điều kiện thực tế của Công ty và điều kiện thị trường khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Đầu tư vào các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính an toàn, có lãi suất cố định trên thị trường vốn/thị trường tiền tệ để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn của Tập đoàn IPA: Nguồn vốn dự kiến là 200 tỷ đồng. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính (đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá, các loại trái phiếu, tài trợ vốn/cho vay công ty con/công ty liên kết và các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính có lãi suất cố định khác) và giá trị đầu tư vào các sản phẩm đầu tư/sản phẩm tài chính căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Tái cơ cấu tài chính đối với các khoản vay/nợ, thanh toán các khoản vay/nợ và các khoản phải trả của Công ty (bao gồm thanh toán các khoản nợ vay, các khoản trả nợ lãi trái phiếu và trả nợ gốc trái phiếu/mua lại trái phiếu): Nguồn vốn dự kiến là 138.357.750.000 đồng. Hội đồng quản trị quyết định cụ thể về các khoản vay/nợ cần thanh toán và giá trị các khoản thanh toán căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty tại khi triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Thời gian sử dụng vốn đối với các khoản tiền/nguồn vốn nêu trên dự kiến là từ sau khi Công ty hoàn thành việc chào bán cổ phiếu ra công chúng. Số tiền nhàn rỗi trong thời gian chờ giải ngân theo các phương án sử dụng vốn nêu trên sẽ được Công ty sử dụng để đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, mua giấy tờ có giá để đảm bảo hiệu quả tài chính tối ưu.

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho HĐQT (i) toàn quyền quyết định cụ thể phương án sử dụng vốn, quyết định cụ thể việc phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu vào các mục đích sử dụng vốn căn cứ theo tình hình hoạt động của Công ty và thị trường vốn/thị trường chứng khoán tại thời điểm triển khai việc chào bán cổ phiếu ra công chúng; (ii) quyết định thời điểm giải ngân, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; (iii) thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán trong trường hợp thấy cần thiết và/hoặc căn cứ theo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. HĐQT được toàn quyền quyết định việc sử dụng vốn một cách linh hoạt phù hợp với thực tế của Công ty sau khi kết thúc đợt phát hành nhằm đảm bảo việc sử dụng vốn hiệu quả và tối ưu cho hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

III. Đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu chào bán thêm

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm nêu trên sẽ được đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

IV. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

Cùng với việc ủy quyền cho HĐQT với các nội dung nêu cụ thể tại Phương án phát hành cổ phiếu và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu như trên đây, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau đây:

- Quy định cụ thể phương án phát hành cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung phương án phát hành cổ phiếu theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu hoặc khi thấy cần thiết căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty và thị trường chứng khoán tại thời điểm phát hành để đảm bảo đợt phát hành được thành công;

- Quyết định cụ thể việc triển khai thực hiện chào bán cổ phiếu; Quyết định thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu huy động vốn và hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Quy định cụ thể về phương án sử dụng vốn và/hoặc quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn căn cứ theo điều kiện thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của Cơ quan quản lý tại thời điểm thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu để đảm bảo thủ tục chào bán cổ phiếu được thực hiện thành công;
- Quyết định và tổ chức thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể; quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu và chủ động điều chỉnh việc sử dụng nguồn vốn/số tiền thu được; quyết định thời điểm giải ngân/sử dụng số tiền thu được; quyết định thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán khi thấy cần thiết hoặc theo tình hình hoạt động của Công ty (HĐQT được toàn quyền quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán); phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu để sử dụng vào các mục đích phù hợp với thực tế của Công ty;
- Quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết liên quan đến việc: (i) thay đổi mức vốn điều lệ, sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty; và (ii) đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh của Công ty; và (iii) đăng ký, lưu ký bổ sung cổ phiếu của Công ty tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; và (iv) đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành/chào bán cổ phiếu, việc sử dụng vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu, đăng ký/lưu ký bổ sung, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu.





PHỤ LỤC III: ĐIỀU LỆ CÔNG TY SAU KHI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2024

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/6/2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và thành viên khác thuộc Ban điều hành Công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- p) *Công ty* là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Mã số 0100779693 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, PHÒNG GIAO DỊCH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch và thời hạn

hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A
- Tên tiếng Anh: IPA INVESTMENTS GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: IPA INVESTMENTS GROUP
- Tên viết tắt: IPA GROUP., JSC

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100779693 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/12/2007.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: 024.39365868 Fax: 024.39365869
- E-mail: Website: www.ipa.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

Công ty có thể thành lập chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh (kể cả ở nước ngoài) để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Mạng lưới hoạt động của Công ty bao gồm Trụ sở chính, các chi nhánh, địa điểm kinh doanh và văn phòng đại diện được thành lập theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 55, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có hai người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 29 của Điều lệ này. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện đầy đủ thẩm quyền của Công ty trước bên thứ ba và không bị hạn chế trong bất kỳ giao dịch hoặc lĩnh vực nào.

Tổng Giám đốc có các quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 35 của Điều lệ này. Tổng Giám đốc là đại diện của Công ty trước Bên thứ ba đối với các công việc, hoạt động, giao dịch liên của Công ty trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều 35 Điều lệ này.

3. Cơ chế chuyển giao quyền và nghĩa vụ giữa những người đại diện theo pháp luật trong trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam, từ nhiệm/từ chức, bị miễn nhiệm/bãi nhiệm, trốn khỏi nơi cư trú, bị tạm giam, phạt tù, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự:

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị rơi vào trường hợp nêu

trên thì Tổng Giám đốc sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc rơi vào trường hợp nêu trên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh và Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành, nghề	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020 (chính)
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;</i>	6619
3.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; (Không bao gồm đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).</i>	6810
4.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; (Không bao gồm dịch vụ định giá bất động sản)</i>	6820
5.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
6.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: - Kinh doanh khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày</i>	5510
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng <i>Chi tiết: Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;</i>	8291
8.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
9.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính <i>Chi tiết: Hoạt động sản xuất, thiết kế và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm, bao gồm: sản xuất phần mềm đóng gói; sản xuất phần mềm nhúng; hoạt động gia công phần mềm và hoạt động cung cấp, thực hiện các dịch vụ phần mềm;</i>	6209
10.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
11.	Cho thuê xe có động cơ	7710

12.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
13.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
14.	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán <i>Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa</i>	6612
15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 2.138.357.750.000 (Hai nghìn một trăm ba mươi tám tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 213.835.775 (hai trăm mười ba triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ khi Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu. Quy định này không áp dụng trong trường hợp Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông có thể được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được thanh toán đủ một lần.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực

tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04)

tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;
- h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- i) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- l) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- m) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;
- o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất; hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- q) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;
- r) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
- s) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 35% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp/thư ký Đại hội;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến/tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Hội đồng quản trị có quyền quyết định và lựa chọn việc áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

11. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được tổ chức bằng tiếng Việt và có thể có phiên dịch sang tiếng nước ngoài nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền

biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty đối với mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kể cả các vấn đề sau đây:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền

mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin

liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
 - Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên độc lập.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường

hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm p, điểm r và điểm s Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác được quy định tại Quy chế do Hội đồng quản trị công ty ban hành; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.
Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty nêu tại Khoản 4 Điều này.
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm:
 - a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đại diện cho Công ty xác lập và thực hiện giao dịch của Công ty theo quy định của pháp luật, đại diện cho Công ty ký kết các hợp đồng của Công ty với các cá nhân/tổ chức, đại diện hợp pháp của chủ tài khoản đối với các tài khoản của Công ty mở tại các tổ chức tín dụng;
 - b) Quyết định đầu tư, bán tài sản, quyết định và ký/giao kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công ty; Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được ký/giao kết sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc ủy quyền;
 - c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh mà Điều lệ này, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Quyết định về mức lương, thù lao, các lợi ích khác, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với chức danh quản lý do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Bộ luật dân sự, Điều lệ này, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
6. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị phù hợp với quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục

bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 Người điều hành khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết có thể gửi sau khi gửi Thông báo mời họp nhưng chậm nhất là 24h trước khi bắt đầu cuộc họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng

quản trị dự họp.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định tại Điều lệ này hoặc Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban (hoặc một tên gọi khác do Hội đồng quản trị quyết định) trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, đầu tư. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng

quản trị;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, các thành viên Ban điều hành và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị trên cơ sở được Hội đồng quản trị phân quyền/ủy quyền.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và giao điều hành Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này.
2. Công ty được tuyển dụng Người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ

không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng Giám đốc điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- b) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm hoặc thuê những người khác làm Người điều hành Công ty để tham gia vào việc điều hành Công ty cùng với Tổng giám đốc.

Người điều hành khác của Công ty là người, cùng với Tổng giám đốc, điều hành công việc hằng ngày của Công ty trong các lĩnh vực được Hội đồng quản trị phân công; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Người điều hành khác của Công ty bao gồm: Giám đốc tài chính, Phó tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Người điều hành khác của Công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Người điều hành khác của công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp có Phó Tổng giám đốc phụ trách nghiệp vụ chứng khoán thì phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và d khoản 5 Điều 35 và có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách.

3. Người điều hành Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.

Người điều hành Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Người điều hành Công ty phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Người điều hành Công ty điều hành trái với các quy định nêu trên mà gây thiệt hại cho công ty thì Người điều hành Công ty phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thành phần Ủy ban Kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
 - c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
 - e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
 - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và ngăn ngừa xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính quý gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của mình trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Người lao động và công đoàn

1. Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Công ty được thành lập.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 52. Trách nhiệm công bố thông tin

Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác của Công ty sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
3. Tối thiểu 06 tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
5. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau: Các chi phí thanh lý; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản nợ khác của Công ty. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 56. Tổ chức lại Công ty

1. Việc tổ chức lại Công ty (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình Công ty)

phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trình tự, thủ tục và các vấn đề liên quan đến việc tổ chức lại Công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 58. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới mà dẫn đến điều khoản trong Điều lệ này bị coi là trái pháp luật thì áp dụng những quy định đó của pháp luật để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. HIỆU LỰC

Điều 59. Hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 20 tháng 06 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế thay thế tất cả các bản Điều lệ đã ban hành trước đây của Công ty.

2. Điều lệ được lập thành ba (03) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VŨ HIỀN

